

Bản án số: 109/2024/HNGĐ - ST
Ngày 14 - 6 - 2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Trần Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Trúc P – sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T – sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Trúc P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 14/11/2007. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây vợ chồng chị thường hay bất hòa và xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, thiếu nợ nhiều người, không quan tâm vợ con, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không sống chung với nhau được nữa. Anh T nhiều lần hứa hẹn sửa đổi nhưng đến nay vẫn tính nào tật nấy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2023

cho đến nay. Chị xét thấy, hôn nhân giữa chị và anh **T** không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là **Nguyễn Nhật T1**, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2008; **Nguyễn Nhật H**, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2010 và **Nguyễn Lê Gia H1**, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2022. Hiện nay, cháu **T1** và cháu **H1** do chị **P** đang trực tiếp nuôi dưỡng; cháu **H** do anh **T** đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **T1** và cháu **H1**; giao cháu **H** cho anh **T** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị và anh **T** không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị **Lê Trúc P** trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị **Lê Trúc P** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh **Nguyễn Quốc T** đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **Lê Trúc P** nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh **Nguyễn Quốc T**. Khi khởi kiện anh **T** cư trú tại **ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh **Nguyễn Quốc T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị **P** và anh **T** tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 14 tháng 11 năm 2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị **P** về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **P** và anh **T**, chị **P** yêu cầu được ly hôn với anh **T**. Anh **T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung

cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị P và anh T mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2023 cho đến nay, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị P yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị P và anh T có ba con chung là Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2008; Nguyễn Nhật H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2010 và Nguyễn Lê Gia H1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2022. Hiện nay, cháu T1 và cháu H1 do chị P đang trực tiếp nuôi dưỡng; cháu H do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu giao cháu T1 và cháu H1 cho chị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu H cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T không có ý kiến gì về yêu cầu của chị P và hiện tại cháu H đang được anh T nuôi dưỡng, cháu T1 và cháu H1 đang được chị P nuôi dưỡng. Hơn nữa, tại biên bản làm việc của Tòa án thì cháu T1 có nguyện vọng sống với chị P, cháu H có nguyện vọng sống với anh T. Đồng thời, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu H1 và cháu H1 cũng còn rất nhỏ nên cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị P giao con chung là cháu H cho anh T nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi con chung là cháu T1, cháu H1 của chị P là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, cháu H; cháu H1 là chính đáng nên được chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2008 và cháu Nguyễn Lê Gia H1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2022 cho chị P tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2010 cho anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị P và anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Lê Trúc P trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị P và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì chị P và anh T đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Lê Trúc P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị **Lê Trúc P** phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Lê Trúc P** đối với anh **Nguyễn Quốc T**. Xử cho chị **Lê Trúc P** được ly hôn với anh **Nguyễn Quốc T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Nhật T1**, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2008 và cháu **Nguyễn Lê Gia H1**, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2022 cho chị **Lê Trúc P** tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu **Nguyễn Nhật H**, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2010 cho anh **Nguyễn Quốc T** tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị **Lê Trúc P** và anh **Nguyễn Quốc T** không cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Lê Trúc P** và anh **Nguyễn Quốc T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **Lê Trúc P** trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị **P** và anh **T** có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì chị **P** và anh **T** đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị **Lê Trúc P** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Lê Trúc P** phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012940 ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị **Lê Trúc P** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm